

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn.

2. Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2021 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2014 bà (Nguyễn Thị V) và ông Trần Văn N chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C vào ngày 28/8/2017. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ

chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông Trần Văn N có hành vi bạo hành gia đình. Bà và ông Trần Văn N không còn sống chung với nhau khoảng 03 năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N. Về con chung có 01 người tên là Trần Quốc Đ (giới tính nam), sinh ngày 05/11/2015 hiện tại đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương xã P, huyện P, tỉnh C xác định: Bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn N không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị V ly hôn với ông Trần Văn N. Giao con chung tên là Trần Quốc Đ (giới tính nam), sinh ngày 05/11/2015 cho bà Nguyễn Thị V nuôi dưỡng, buộc ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Văn N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn N vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn N.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 28/8/2017. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn N được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị V xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung, ông Trần Văn N có hành vi bạo hành gia đình. Bà và ông Trần Văn N không còn sống chung với nhau khoảng 03 năm nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà Nguyễn Thị V nhận thấy

hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N. Ông Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Trần Văn N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn N đã và đang trầm trọng, bà Nguyễn Thị V cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn N là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Có 01 người tên là Trần Quốc Đ (giới tính nam), sinh ngày 05/11/2015 hiện tại đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy hiện tại con chung đang do bà Nguyễn Thị V nuôi nên cần thiết giao cho bà Vẹn tiếp tục nuôi là phù hợp. Xét thấy tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do đó, buộc ông Trần Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị V (theo quy định của pháp luật) là có căn cứ.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị V xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị V phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, ông Trần Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị V ly hôn với ông Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị V chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Quốc Đ (giới tính nam), sinh ngày 05/11/2015 cho đến khi Trần Quốc Đ đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống.

Ông Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con được thực hiện như sau:

- Mức cấp dưỡng: 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).
- Phương thức cấp dưỡng: Được thực hiện định kỳ hàng tháng.
- Thời gian cấp dưỡng: Được tính kể từ ngày 20/4/2021, cấp dưỡng cho đến khi Trần Quốc Đ đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền (cấp dưỡng) thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị V đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012350, ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

4.2 Về án phí cấp dưỡng nuôi con:

Buộc ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước